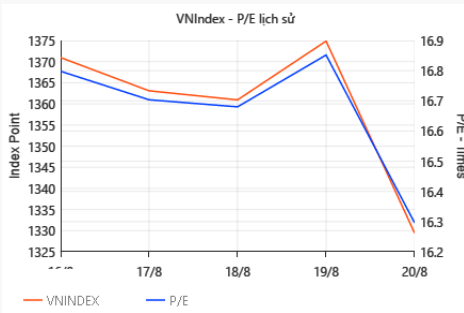


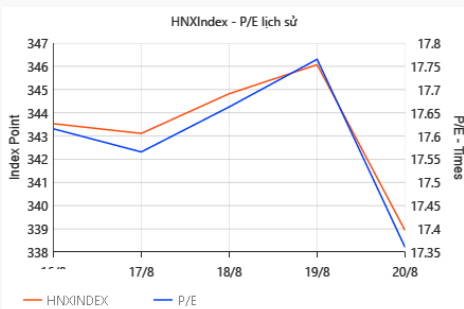
VN-INDEX

Bộ phận Chiến lược đầu tư



Điểm số	1,329.43
Tuần qua (WoW)	-2.04%
Từ đầu năm (YTD)	20.43%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	14.22%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	19.08%
P/E	16.3
P/B	2.62

HNX -INDEX



Điểm số	338.93
Tuần qua (WoW)	0.58%
Từ đầu năm (YTD)	66.86%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	21.10%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	29.65%
P/E	17.36
P/B	1.93

DÒNG TIỀN BẮT ĐÁY TẠO KỶ LỤC MỚI VỀ THANH KHOẢN

Nhịp điều chỉnh của một số nhóm tăng nóng tuần trước đã dự báo áp lực bán mạnh khi thị trường đi về vùng cản mạnh 1,360-1,380, là nơi tập trung khối lượng của giai đoạn đỉnh tháng 6. Bên cạnh áp lực bán giảm tỷ trọng của nhóm mua vùng đỉnh tháng 6, nhịp hồi phục đạt cao nhất 10% kể từ đáy tháng 7 cũng tạo lợi nhuận tương đối cho nhóm mua bắt đáy, tạo thêm một áp lực bán khác tại vùng giá này. Việc thành phố Hồ Chí Minh siết chặt hơn nữa lệnh đóng cửa và việc Hà Nội kéo dài thời gian giãn cách có lẽ không phải là tác nhân chính khi thông tin này không quá bất ngờ nếu chúng ta theo dõi diễn biến dịch trước đó.

Tác động chính của tình hình dịch bệnh lên thị trường hiện tại nằm ở việc dòng tiền hiện ưu tiên cho giao dịch ngắn hạn hơn. Điều này cũng phù hợp với bối cảnh định giá thị trường hiện vẫn nằm ở vùng không quá cao nhưng cũng không còn quá hấp dẫn nếu nhìn vào định giá trượt của doanh nghiệp nói chung. Hoạt động kinh doanh bị đình trệ, ảnh hưởng nặng hơn trong đợt dịch này cũng là yếu tố khiến nhà đầu tư trên thị trường không dự phóng quá tích cực cho nửa sau 2021 và thậm chí nửa đầu 2022. Điểm tích cực là dòng tiền bắt đáy đã vào khá nhanh khi thị trường giảm điểm hôm thứ 6 và chúng tôi nghiêng về khả năng dòng tiền vẫn sẽ ưu tiên tham gia tại vùng giá thấp trong tuần tới.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ không có thay đổi trong khi **Danh mục Giao dịch** bổ sung **SLS** với lệnh mua có tỷ lệ rủi ro/ lợi nhuận = 1/3.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường đã chấm dứt nhịp tăng ngắn hạn trước đó và suy yếu. Quá trình suy yếu chưa cho thấy dấu hiệu thiết lập cân bằng để tạo đáy. Tỷ trọng cổ phiếu nên được đưa về trạng thái an toàn hơn lúc này (nếu như trước đó chưa thực sự an toàn), và ngược lại thì nếu tỉ trọng tiền mặt đang quá cao, có thể cân nhắc giải ngân dần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG	06/08/21	3	171,500	Nắm giữ	184,000	7.3%	12.2%	-	123.2%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	19.9%	-	-3.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	35.6%	-	-1.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	7.3%	-	134.5%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	16.4%	-	14.9%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	5.7%	41.1%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	-	10.5%	26.7%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	113.8%	139.8%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	15.4%	86.7%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	56.3%	174.1%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	9.0%	-	136.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	20.3%	53.0%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	1.5%	31.1%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	9.0%	-	136.2%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	6.4%	79.4%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	10.6%	-	17.3%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	15.4%	-	25.8%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	-3.2%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	4.2%
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	23.6%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	6.8%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	51.0%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	29.6%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	20.8%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-16.5%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	-0.5%
SSI*	20/05/21	36,000 - 39,000	51,000	33,000	1:2	60.3%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	10.6%
SMC	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	18.7%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	18.8%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	22.5%
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	33.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	34.8%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-7.5%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-3.6%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	1.6%
GEG	08/03/21	18,000 - 19,200	28,000	16,800	1:4	-6.0%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-10.3%

TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	69.1%
GAS	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	4.8%
CNG	17/02/21	21,900 – 23,000	31,500	20,600	1:3.5	16.5%
CCL	17/02/21	11,000 – 12,000	19,000	9,700	1:3	12.5%
LAF	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	4.8%
VSH	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	34.8%
MSR	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	-2.4%
SFI	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	50.0%
PGV	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	33.5%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	147.4%
DRI*	20/10/20	4,730 – 5,230	10,230	3,930	1:4	131.4%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Vào phiên ATO ngày đáo hạn phái sinh thứ 5 (19/8), chỉ số VN30 được kéo tăng mạnh để tăng điểm cũng là một diễn biến tương đối bất thường thu hút sự chú ý của thị trường. Việc các nhóm ngành tăng khá nóng như Cảng biển, Phân bón chịu sự rung lắc trong tuần trước đó cũng là một chỉ báo cho thấy dòng tiền nóng trên thị trường đã thực hiện chốt lời. VN-Index giảm 2.04% trong tuần, tạo ra phiên giao dịch với khối lượng lịch sử gần 1.2 tỷ cổ phiếu trong phiên thứ 6.

VIC là mã giảm mạnh nhất trong phiên rơi điểm vừa qua. Nhìn ra cả tuần giao dịch, nhóm Ngân hàng với CTG, BID, TCB, ACB mới là nhóm lấy điểm chính trong khi chỉ có GVR là trụ kéo điểm trong tuần.

Khối ngoại đã chuyển sang vị thế bán ròng mạnh trong tháng 8 sau khi bán ròng gần 5.7 ngàn tỷ tuần vừa qua. Bộ đôi VHM-VIC, HPG, VNM vẫn là các mã bị rút mạnh nhất, bên cạnh đó bổ sung thêm SSI. Đáng chú ý SSI mới công bố kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn.

Các nhóm ngành đều giảm trong phiên thứ 6 nhưng Chứng khoán, Phân bón, Thép vẫn giữ được đà tăng của tuần. Chỉ có Dầu khí là nhóm bị bán mạnh nhất.

Về việc các thông tin dịch bệnh đã tạo ra tâm lý bán, chúng tôi đánh giá diễn biến vẫn luôn căng thẳng trong thời gian vừa qua và mọi người đều có thể cảm nhận được khi theo dõi số liệu, tin tức hằng ngày. Do vậy, các thông tin mới như việc kiểm soát chặt hơn tại Tp. Hồ Chí Minh, tiếp tục giãn cách tại Hà Nội không phải là tác nhân chính. Vùng điểm 1,360 đến 1,380 là vùng cản đáng chú ý từ trước đó còn việc tăng dần dần và giảm mạnh là vận động khá bình thường của thị trường, nhất là ở thời điểm thị trường trống thông tin sau mùa báo cáo quý 2, lực bán chốt lời có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Vùng điểm cao cũng khiến cho nhiều công ty chứng khoán siết chặt quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay margin, tạo thêm sức ép. Mặc dù vậy, mức điểm giảm có thể lớn nhưng biên độ giảm cũng chưa phải mạnh nhất trong năm đồng thời lực mua bắt đáy cũng đã tham gia nhanh chóng ngay trong phiên thứ Sáu. NĐT cần tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến dòng tiền trong tuần tới.

CHIẾN LƯỢC

Thực sự thì biến động như phiên 20/8 dù khá mạnh nhưng cũng chỉ ảnh hưởng 1 số lệnh mua theo xu hướng ngắn hạn gần đây (cần phải tuần thủ cắt lỗ), hoạt động mua tích lũy tại vùng giá thấp, giao dịch ngắn hạn mua vào tại các ngưỡng hỗ trợ của thị trường và cổ phiếu vẫn luôn có cơ hội.

Nhà đầu tư có thể sàng lọc cơ hội tại các nhóm ngành duy trì được tăng trưởng tốt hoặc có nhu cầu ổn định như Ngân hàng, Chứng khoán, Thép, Logistics và nhóm có kỳ vọng cao sau khi dịch ổn định trở lại như Bất động sản..

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

NHẬN ĐỊNH

VNINDEX có tuần giảm 2.0% sau 3 tuần trước đó tăng liên tiếp. Chỉ số chung tiếp nối đà hồi phục từ thứ sáu tuần trước đó nữa khi mở cửa hưng phấn và đóng cửa ngày thứ hai đầu tuần ở sát mức điểm cao nhất ngày. Sự hưng phấn tiếp diễn khi mở cửa ngày thứ ba nhưng kết thúc ngày thì VNINDEX lại giảm điểm, khối lượng giao dịch suy giảm. Thị trường tiếp tục giảm trong ngày thứ tư và tăng trong ngày thứ năm nhưng khối lượng giao dịch của cả hai ngày thì giảm xuống dưới trung bình. Diễn biến đáng chú ý nhất xảy ra trong ngày thứ sáu, khi VNINDEX có biên độ dao động rất lớn, giảm sâu dù cũng có sự hồi phục nhất định từ mức đáy ngày, và quan trọng nhất là khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch vô cùng lớn, lớn nhất trong lịch sử.

Trước tiên, cần khẳng định phiên giảm sâu trong ngày thứ sáu là một phiên giao dịch tiêu cực và đặt thị trường vào trạng thái rủi ro vì lực bán rất lớn – thể hiện qua khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch cũng như biên độ giảm rất lớn. Nhưng một điều có thể nhận thấy trong diễn biến của ngày thứ sáu đó là việc thị trường chung và hầu hết các cổ phiếu có sự hồi phục từ mức đáy ngày (khối lượng giao dịch ở vùng đáy ngày rất lớn), số lượng

cổ phiếu giảm kịch sàn là rất ít. Tức là có lực mua đối ứng cũng rất lớn và thậm chí đủ sức hấp thụ cũng như đẩy giá bật ngược được lên trở lại.

Dù vậy thì với chỉ nhiều đó cũng là chưa đủ cơ sở để kì vọng thị trường ngay lập tức hồi phục và tăng trở lại, có khả năng đó nhưng để có thể kì vọng được thì chưa. Vùng hỗ trợ của VNNINDEX lúc này trải từ 1,290 đến 1,310.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200 1,290 – 1,310
Kháng cự	1,380 – 1,420

BỐI CẢNH QUỐC TẾ

MỸ: Doanh số bán lẻ thấp hơn dự báo

Người tiêu dùng đã giảm mức chi tiêu trong tháng Bảy mạnh hơn dự báo khi biến thể Delta của Covid đang tiếp tục gây nên sự đình trệ trong hoạt động kinh tế trong khi các gói kích thích của chính phủ đã dần cạn. Doanh số bán lẻ giảm 1.1% so với tháng trước (Dow Jones dự báo 0.3%). So với tháng sáu, khu vực giảm mạnh nhất chính là ô tô và phụ tùng với mức giảm 3.9%. Hàng may mặc giảm 2.6%. Doanh số mua sắm qua mạng cũng giảm 3.1%. Điểm tích cực là doanh số bán lẻ vẫn tăng 15.8% so với cùng kỳ năm trước.

MỸ: Biên bản họp FED cho thấy kế hoạch thu hẹp chính sách tiền tệ

Kế hoạch thu hẹp chương trình mua lại trái phiếu đã được lên với kịch bản có thể trước khi kết thúc năm 2021, mặc dù vậy nhiều thành viên hội đồng thị trường mở FOMC vẫn đang muốn lùi đến đầu 2022. Song song đó, FED vẫn đang muốn thị trường hiểu việc thu hẹp mua trái phiếu không nên hiểu là một động thái tăng lãi suất.

TRUNG QUỐC: Tăng trưởng kinh tế giảm tốc

Cả doanh số bán lẻ vẫn sản lượng sản xuất đều giảm mạnh và không đạt dự báo trong tháng Bảy với các đợt bùng phát Covid mới. Chỉ số sản xuất công nghiệp của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới tăng 6.4% y-o-y trong tháng, so với dự báo 7.8% và thấp hơn nhiều so với mức tăng 8.3%y-o-y của tháng Sáu. Bán lẻ tăng 8.5%y-o-y, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 11.5% và mức tăng 12.1% của tháng trước.

Dù kinh tế đã hồi phục về mức trước đại dịch, nhưng chi phí sản xuất tăng cao và nguồn cung bị thiếu hụt đang là vấn đề cản trở, nguyên nhân đến từ các đợt bùng phát dịch và thiên tai.

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,329.43	-3.30%	-45.42	1,206.47	38,349.6	75	31	302
Vn30 - Index	1,450.45	-3.63%	-54.56	362.23	18,318.1	0	0	30
Vn - Mid	1,639.12	-3.00%	-50.73	465.81	13,203.9	13	1	56
HNX - Index	339.78	-1.82%	-6.29	196.79	4,780.6	71	123	157
Upcom - Index	92.24	-2.61%	-2.47	186.22	2,553.5	152	92	220
VNX-ALL	2,232.35	-3.05%	-70.32	1,248.30	40,484.6	107	50	329

BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN

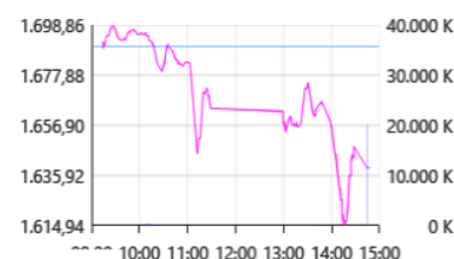
VN-INDEX



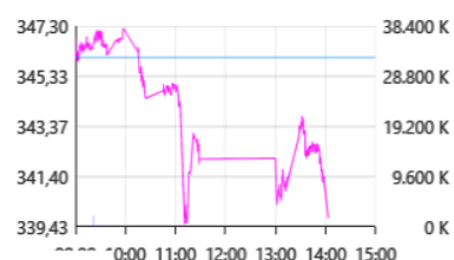
VN30



VN-MID



HNX-INDEX



UPCOM



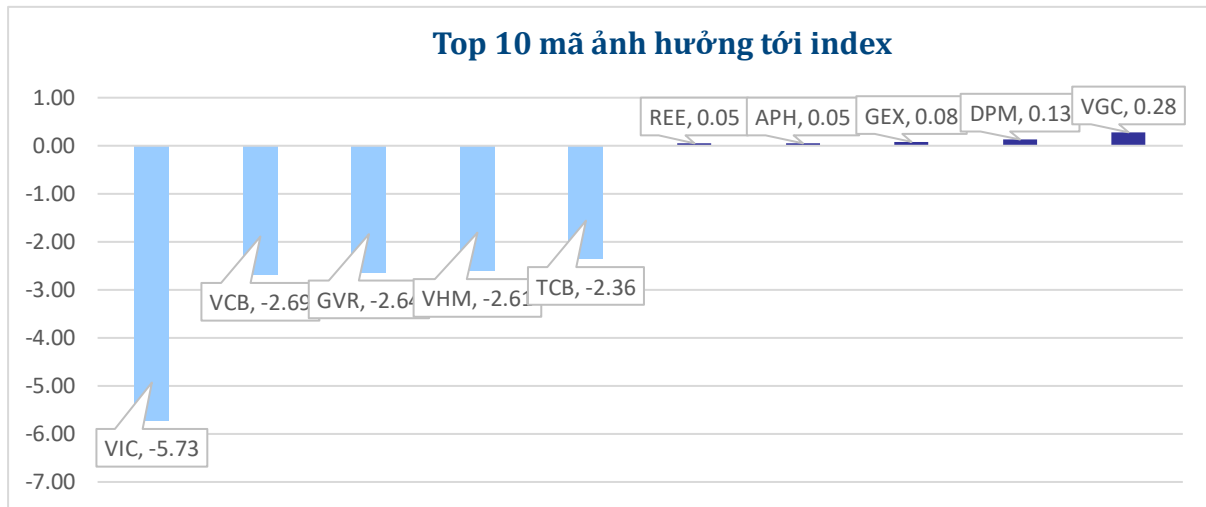
VNX-ALL



THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

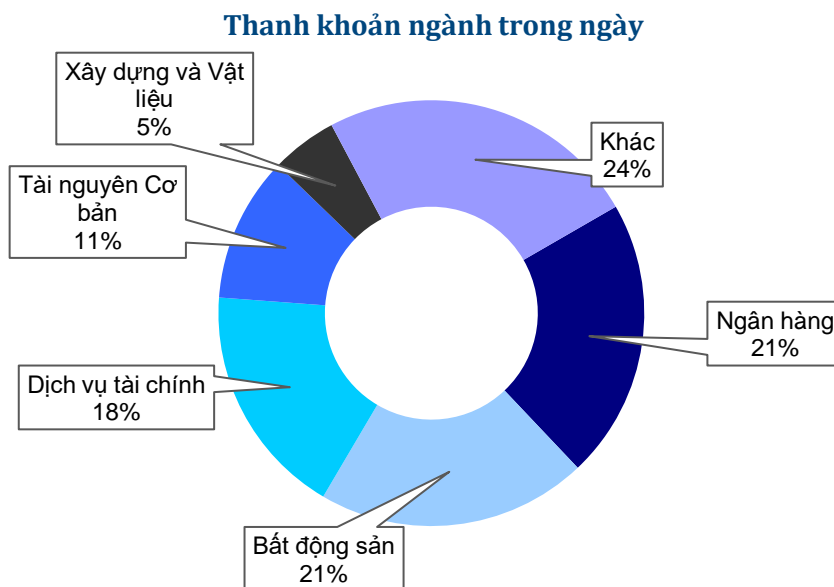
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	38,349.60	50.33%	1206.47	65.69%
HNX	4,780.60	30.53%	196.79	29.18%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



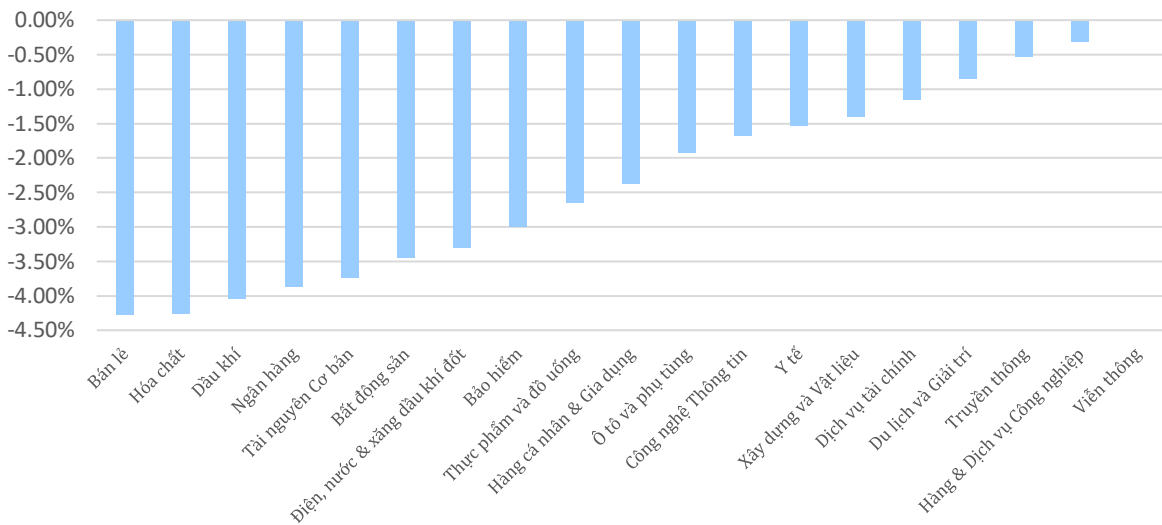
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HPG	49.33	HPG	2,455.0	TSC	333%	BII	9.4%	TNG	-8.7%
STB	32.44	VHM	2,236.9	VGC	329%	VGS	9.4%	PAN	-8.2%
SHB	21.71	SSI	1,655.9	VIX	319%	S99	7.7%	PVT	-7.0%
MBB	31.89	TCB	1,619.8	GEX	307%	VGC	7.0%	HDG	-6.9%
TCB	31.46	STB	1,221.0	CTS	291%	CTS	5.8%	PC1	-6.9%

NHÓM NGÀNH





Biến động các nhóm ngành trong ngày

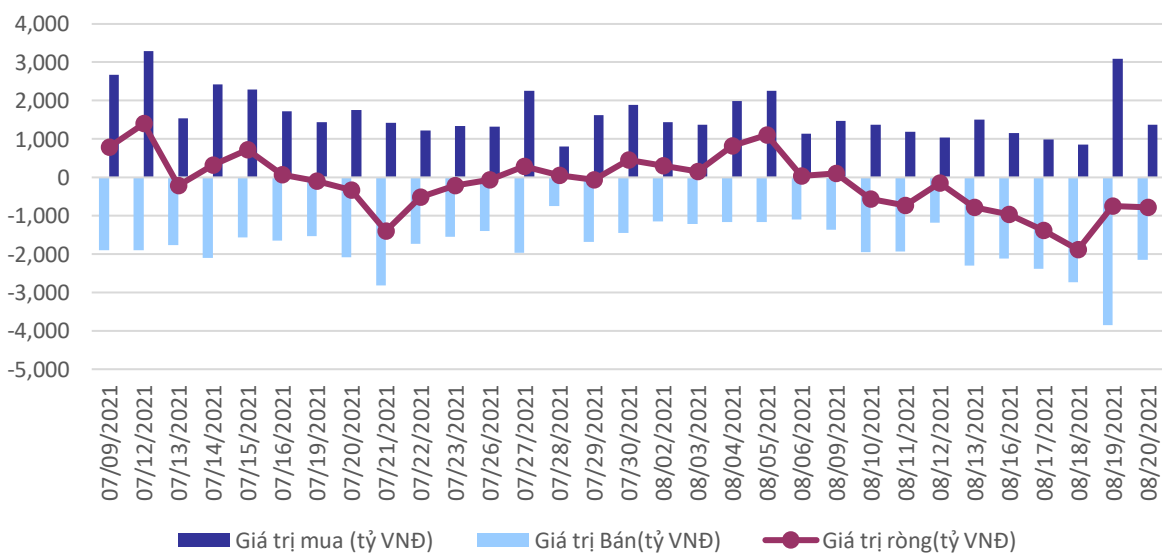


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

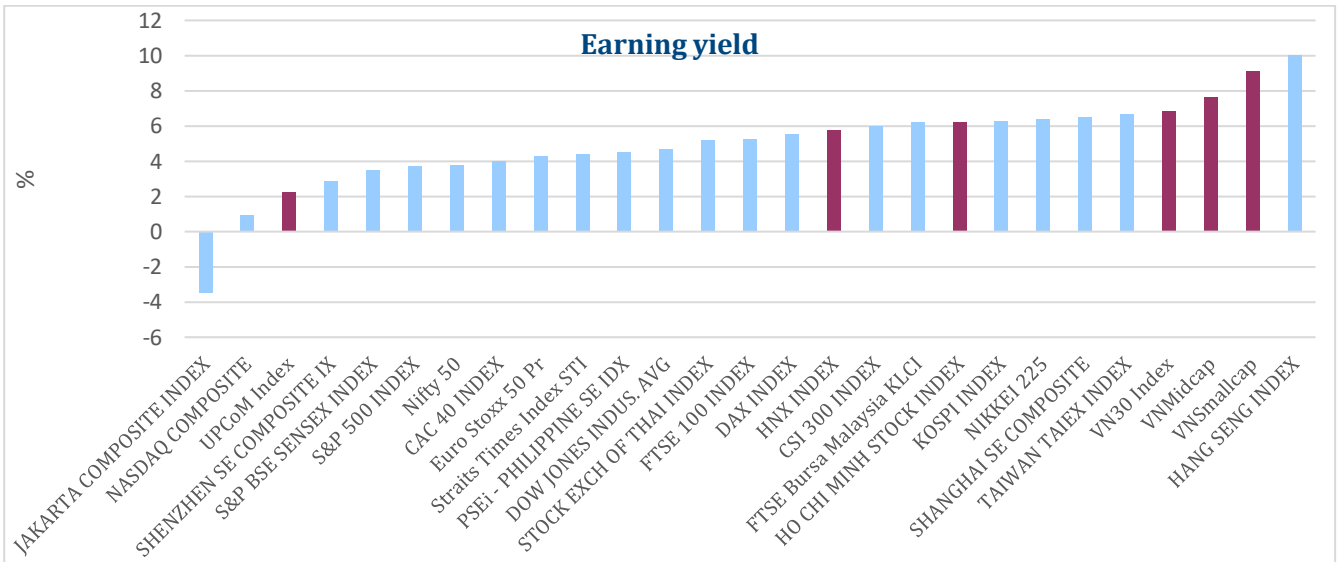
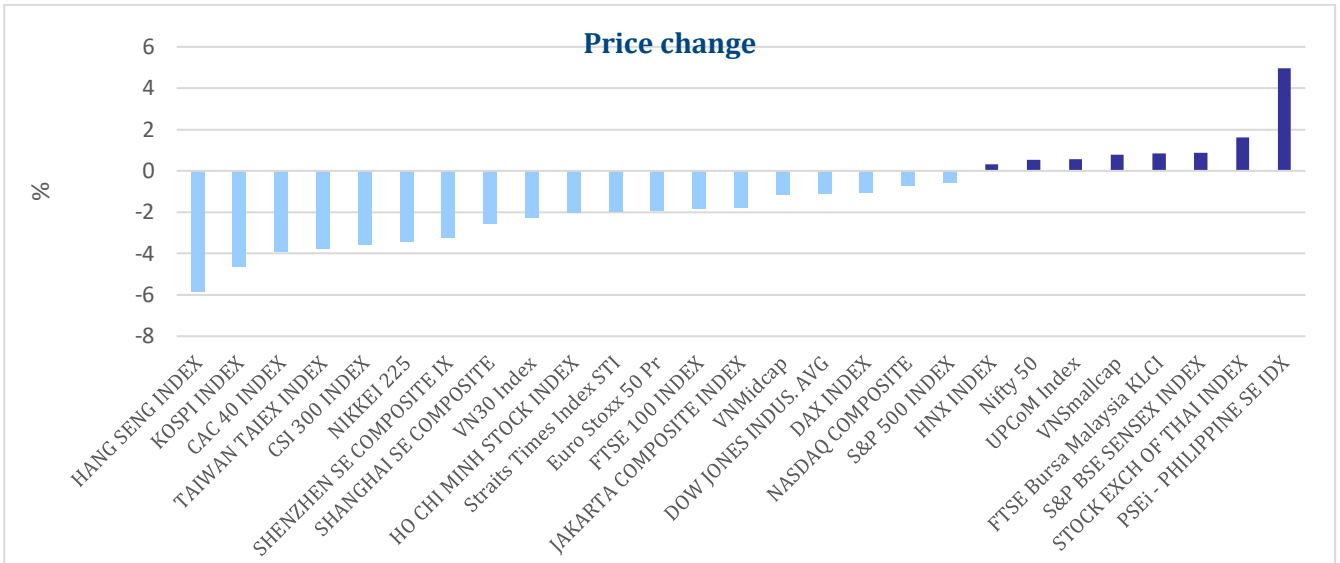
Trên HOSE bán ròng 773.48 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 64.37 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
SSI	189.17	HPG	181.45
DGC	50.10	VJC	158.97
VHM	36.66	VIC	107.73
PHR	6.93	CTG	101.68
TV2	5.68	HCM	49.50

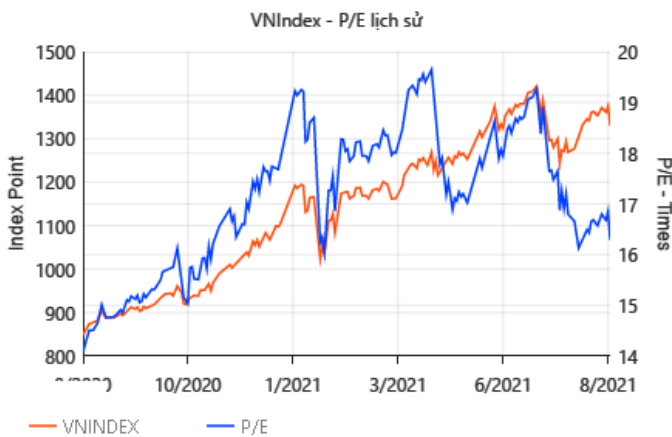
Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE



BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

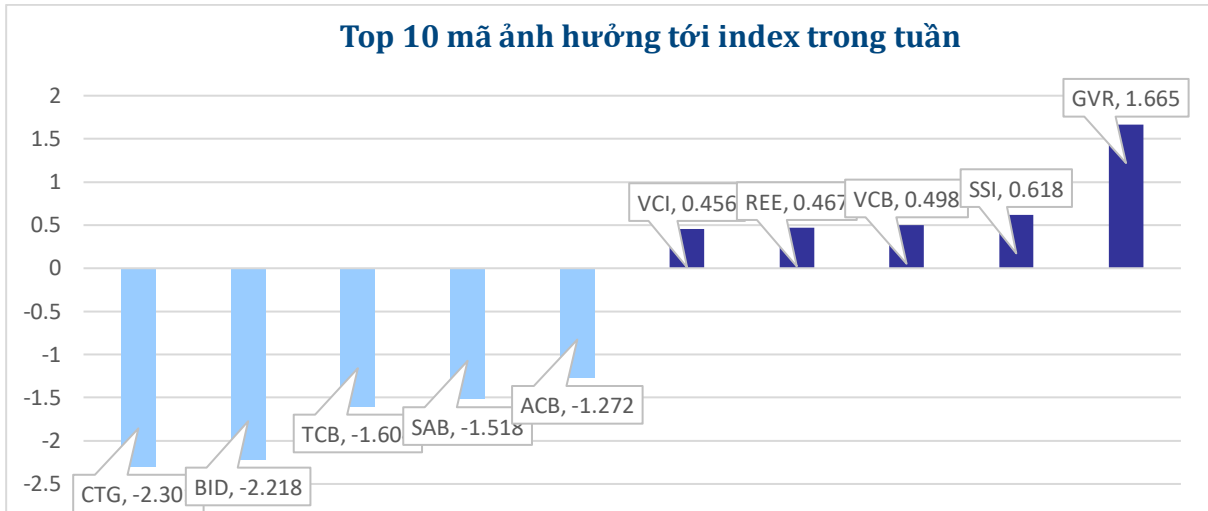


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



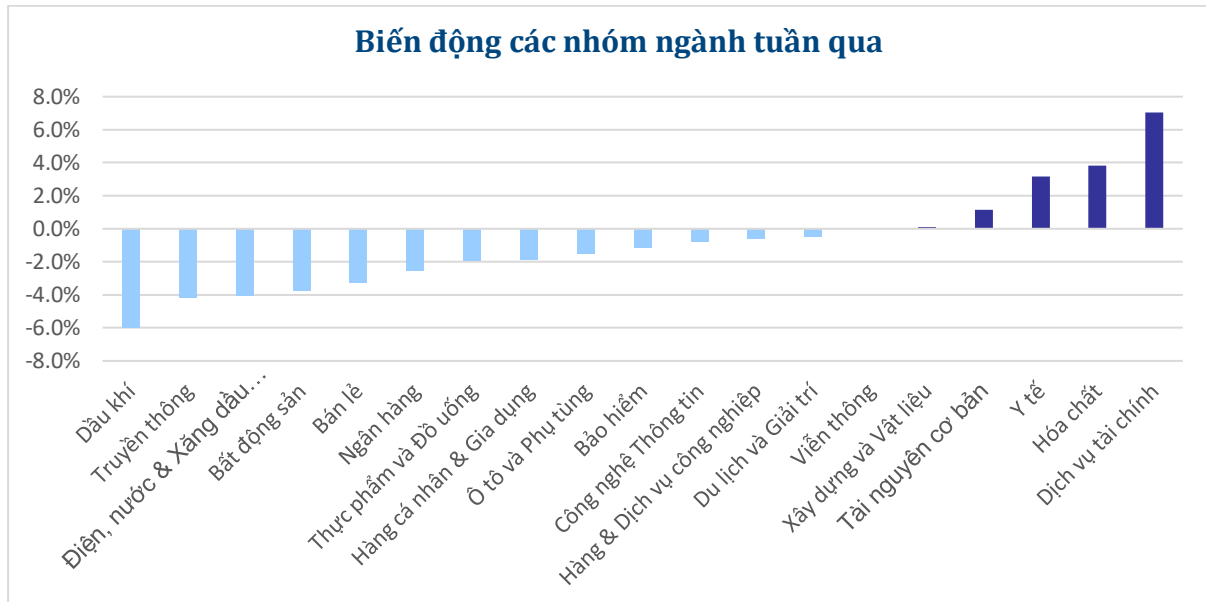


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



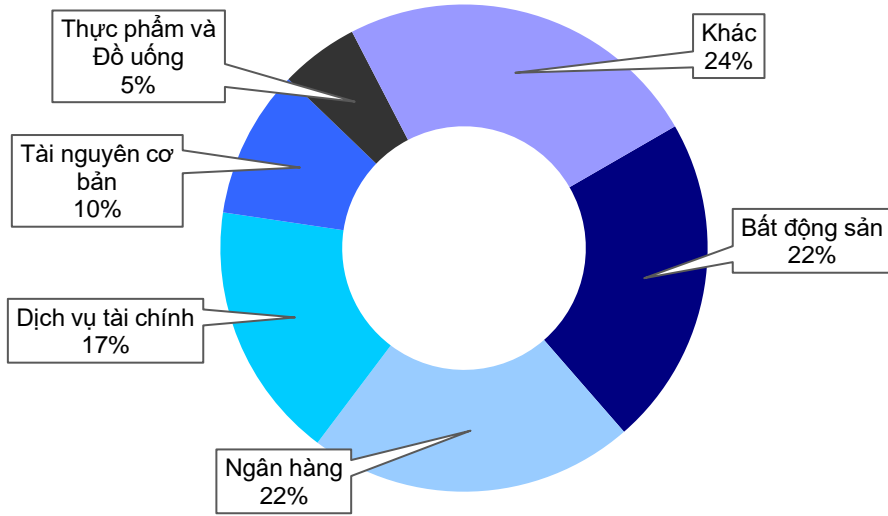
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	32.9	VHM	2,249.0	VGC	5.75x	VGS	49.0%	PHP	-12.5%
STB	25.1	HPG	1,650.2	DL1	5.41x	BMS	42.5%	HAI	-11.9%
SHB	24.4	TCB	1,152.4	IPA	5.30x	APG	39.6%	AMD	-10.9%
MBB	23.2	SSI	1,110.0	HHV	4.34x	TGG	39.3%	VHM	-9.9%
TCB	21.9	VPB	888.4	QTP	4.25x	EVS	38.9%	PAN	-9.6%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

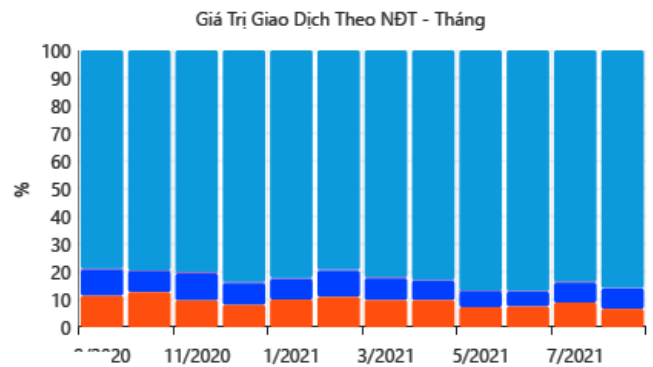
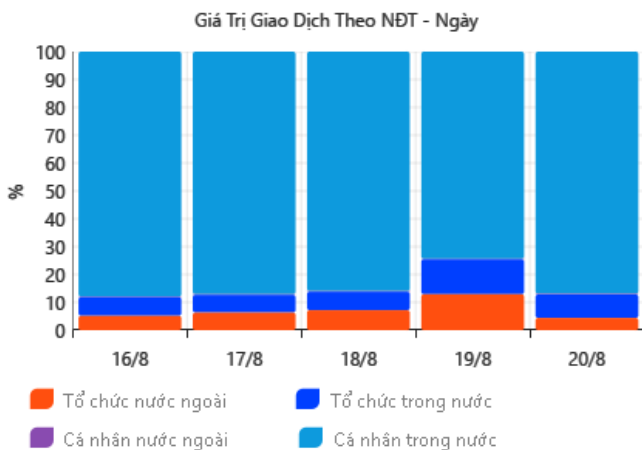


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

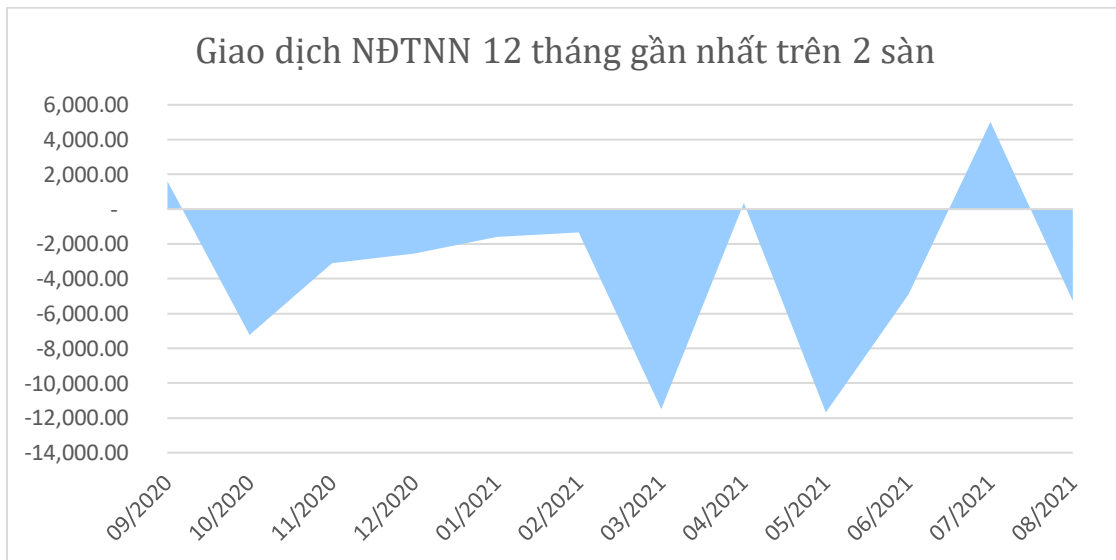
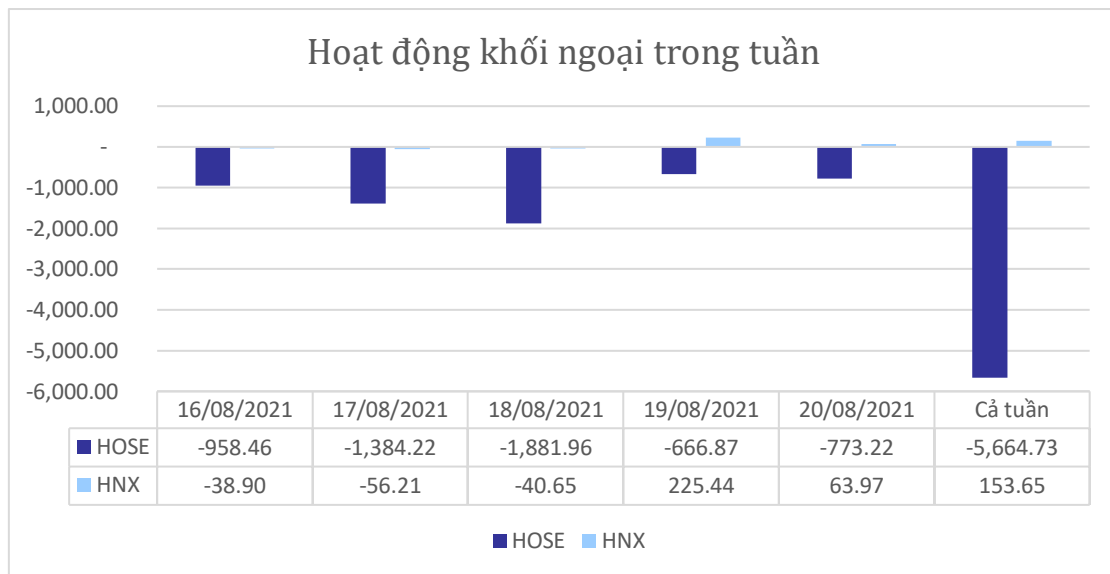
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	0.72%	15,025.66	VHM	-9.92%	8,515.99
VHM	-9.92%	14,413.05	SSI	5.93%	4,706.16
TCB	-3.26%	11,807.84	HPG	0.72%	2,822.96
SSI	5.93%	10,826.26	TCB	-3.26%	1,650.92
VPB	-1.73%	8,005.40	MWG	-4.09%	1,357.42

Tỷ trọng giao dịch



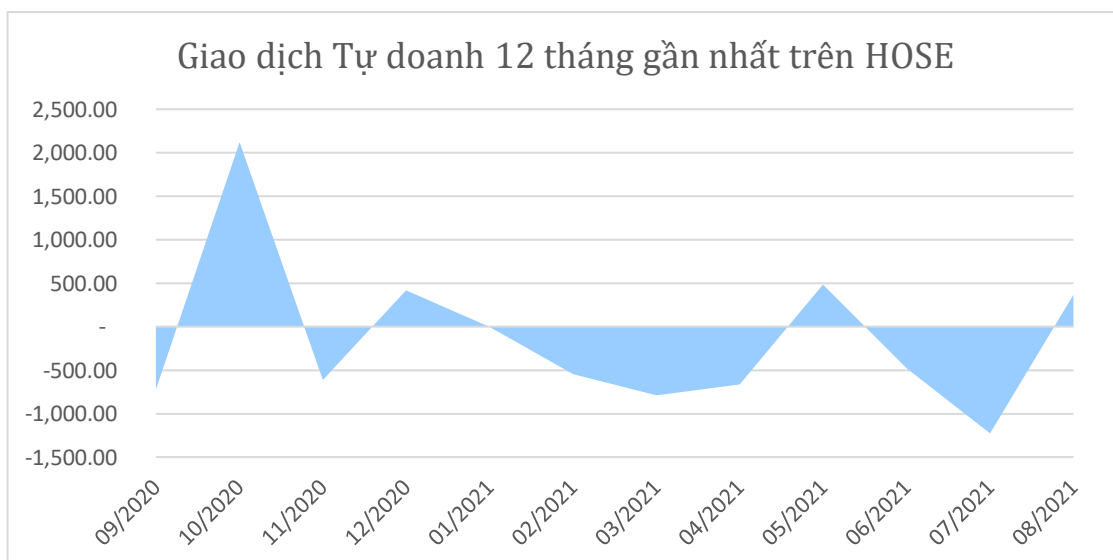
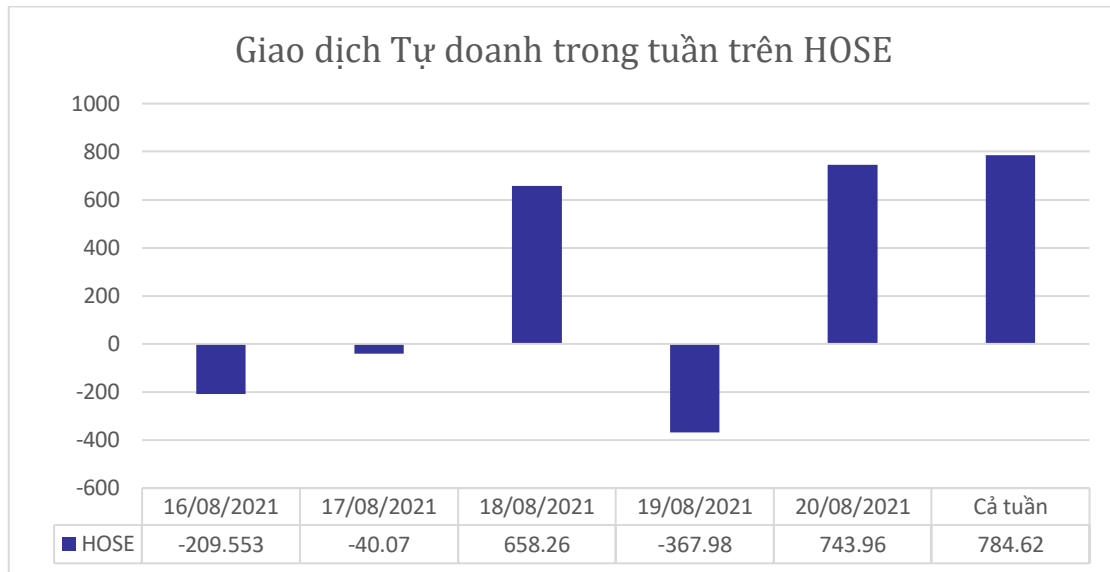
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DGC	9.69%	138.06	VHM	-9.92%	815.84
HSG	3.33%	64.01	SSI	5.93%	795.60
PTB	0.40%	42.90	VIC	-0.89%	647.20
DGW	4.95%	36.87	HPG	0.72%	432.10
DHC	-1.51%	33.43	VNM	-2.34%	331.43



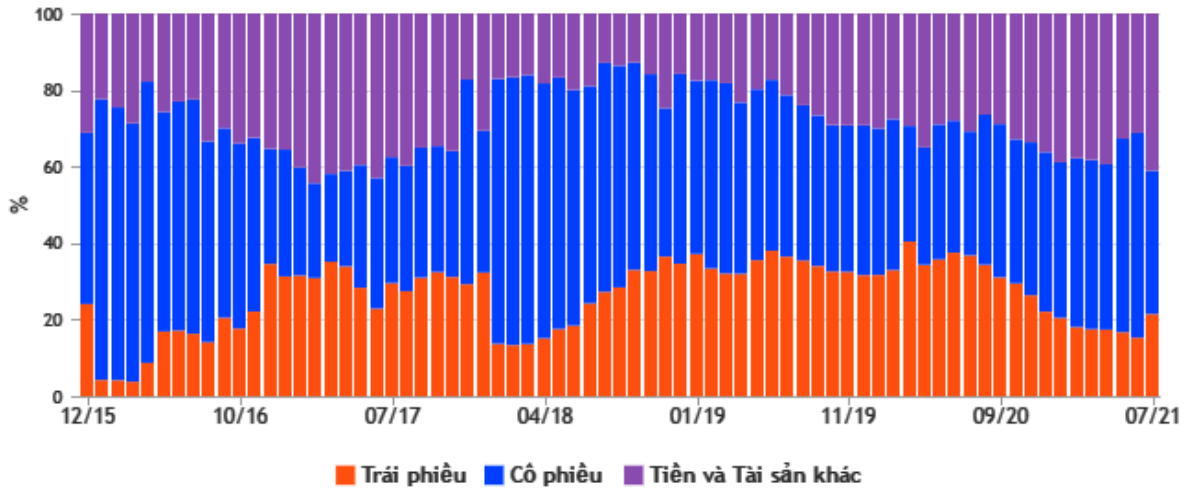
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua ròn			Top Tự doanh Bán ròn		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFNVD	-2.14%	332.48	SSI	5.93%	57.65
VHM	-9.92%	119.74	REE	10.05%	42.65
TCB	-3.26%	107.96	FPT	-1.28%	39.85
VIC	-0.89%	83.72	DXG	-3.72%	25.87
VNM	-2.34%	81.09	PNJ	-3.17%	24.13

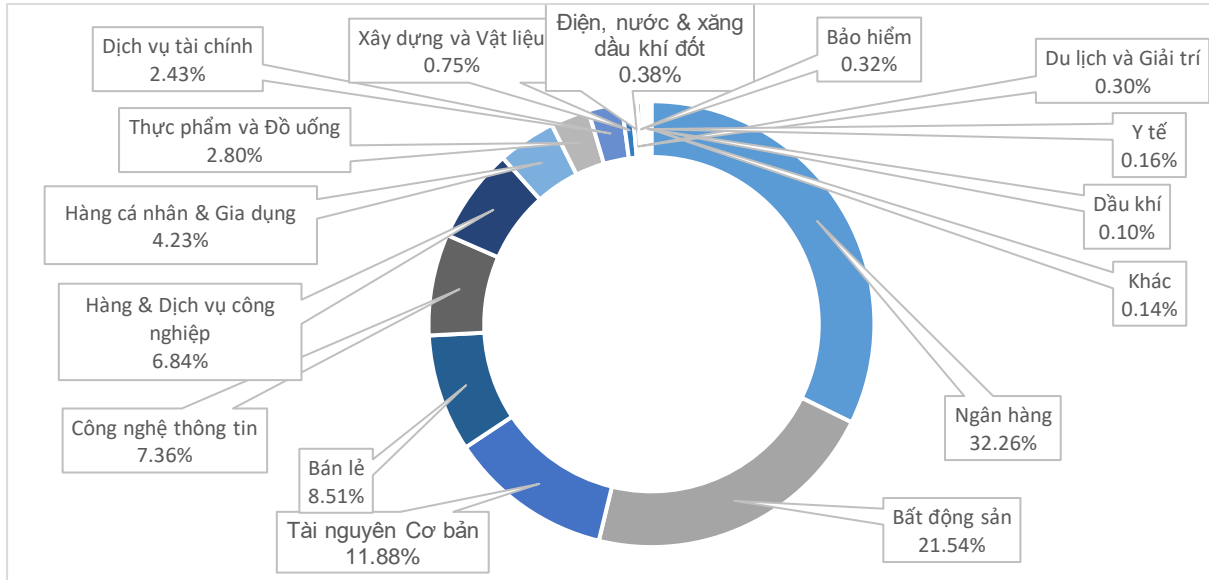


TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)

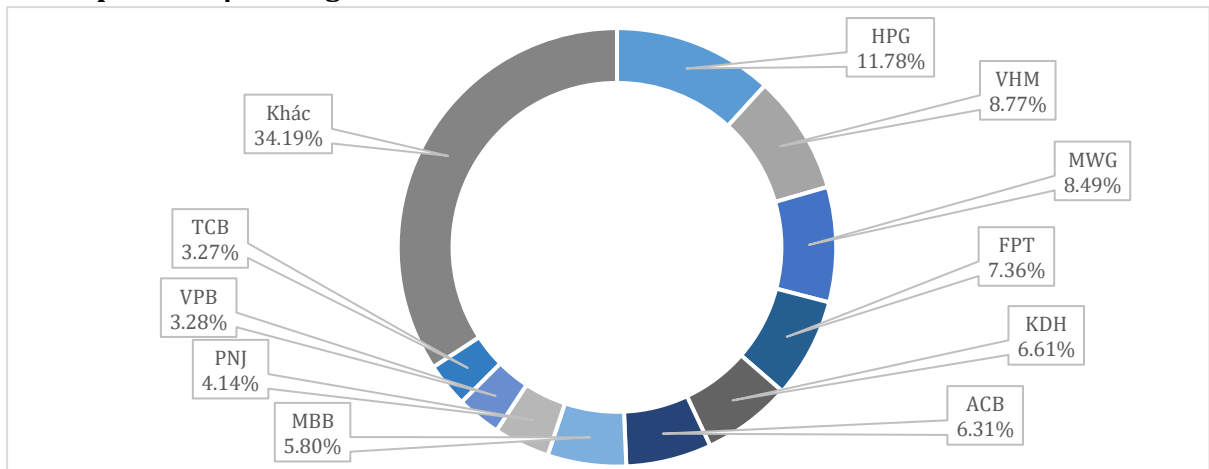
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
TSJ	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.100đ/cp)	23/08/21	24/08/21	15/09/21
HSV	Upcom	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1)	23/08/21	24/08/21	23/08/21
LHG	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.900 đ/cp)	23/08/21	24/08/21	22/09/21
EVF	Upcom	Giao dịch 39.726.363 cổ phiếu niêm yết bổ sung	23/08/21	23/08/21	23/08/21
NKG	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 100:7), thưởng cp (tỷ lệ 100:13)	23/08/21	24/08/21	23/08/21
DFC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.100đ/cp)	23/08/21	24/08/21	10/09/21
GEG	HSX	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền (400đ/cp), cp (tỉ 100:4); bán ưu đãi (tỉ 100:6)	23/08/21	24/08/21	24/09/21
VFS	Upcom	Bán ưu đãi (tỷ lệ 4:1)	23/08/21	24/08/21	23/08/21
SHS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ 12%), trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 5%), bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1)	23/08/21	24/08/21	06/10/21
TVB	HNX	Giao dịch đầu tiên 35.571.589 cổ phiếu niêm yết bổ sung			23/08/21
KDC	HSX	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, chi trả cổ tức đợt 2/2020 (600 đ/cp)	23/08/21	24/08/21	15/09/21
AMV	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	24/08/21	25/08/21	24/08/21
LSS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	24/08/21	25/08/21	24/08/21
VSC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	24/08/21	25/08/21	24/08/21
L14	HNX	Giao dịch đầu tiên 2.439.274 cổ phiếu niêm yết bổ sung			24/08/21
KSV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	24/08/21	25/08/21	10/09/21
V12	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	24/08/21	25/08/21	24/09/21
TCO	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2021	24/08/21	25/08/21	25/09/21
VRG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)	24/08/21	25/08/21	15/09/21
SRA	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	24/08/21	25/08/21	24/08/21
NBP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	24/08/21	25/08/21	09/09/21
DGW	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 1:1)	24/08/21	25/08/21	08/09/21
PHS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (330đ/cp)	24/08/21	25/08/21	24/09/21
VDS	HSX	Giao dịch 5.004.759 cp niêm yết bổ sung		16/08/21	25/08/21
HDB	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	25/08/21	26/08/21	31/08/21
IRC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (655đ/cp)	25/08/21	26/08/21	16/09/21
BMJ	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	25/08/21	26/08/21	17/09/21
TVC	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021	25/08/21	26/08/21	25/08/21
DWS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	25/08/21	26/08/21	25/08/21
CTG	HSX	Giao dịch 1.082.346.053 cp niêm yết bổ sung			25/08/21
HFS	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	25/08/21	25/08/21	25/08/21
SPH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)	25/08/21	26/08/21	20/09/21
PHP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	25/08/21	26/08/21	24/09/21
DC4	HSX	Giao dịch 1.599.707 cổ phiếu niêm yết bổ sung			25/08/21
THG	HSX	Giao dịch 1.451.746 cp niêm yết bổ sung		25/08/21	25/08/21
CDR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	25/08/21	26/08/21	10/09/21
MBB	HSX	Giao dịch 979.564.905 cp niêm yết bổ sung		12/08/21	25/08/21
BMI	HSX	Thưởng cp (tỷ lệ 10:2)	25/08/21	26/08/21	25/08/21



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
DPG	HSX	Giao dịch 17.999.744 cp niêm yết bổ sung		18/08/21	26/08/21
SHE	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:2)	26/08/21	27/08/21	26/08/21
HDB	HSX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:25)	26/08/21	27/08/21	26/08/21
VTB	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	26/08/21	27/08/21	16/09/21
BSI	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900 đ/cp)	26/08/21	27/08/21	15/09/21
TMG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ/cp)	26/08/21	27/08/21	14/09/21
TPC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (800 đ/cp)	26/08/21	27/08/21	20/09/21
TEG	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (tỉ 100:5), thực hiện quyền mua cổ phiếu (tỉ 3:2)	27/08/21	30/08/21	27/08/21
FHS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	27/08/21	30/08/21	10/09/21
JVC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	27/08/21	30/08/21	30/09/21
DRL	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.500 đ/cp)	27/08/21	30/08/21	10/09/21
VDL	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	27/08/21	30/08/21	27/08/21

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696